TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Đại
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Dung
2. Bà Đinh Thị Út

***- Thư ký phiên toà*:** Lê Mạnh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trịnh – Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 08/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2023/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị X – Sinh năm 2000

Trú tại: Thôn S, xã TH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Cư Seo Q – Sinh năm 1997

Trú tại: Thôn S, xã TH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – (Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Giàng Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị X và anh Cư Seo Q tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2017, đến ngày 18 tháng 12 năm 2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn

chị X và anh Q chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn Vợ chồng anh chị thiếu quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ đó vợ chồng không có tình cảm thường xuyên bất đồng trong cuộc sống. Năm 2021 chị X quyết định sống ly thân anh Q. Nay chị X xác định không tiếp tục chung sống với anh Q được, nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Q.

Về con chung anh chị có 02 con chung: Cháu Cư Thị T – Sinh ngày 04 tháng 11 năm 2018 và cháu Cư Thị N – Sinh ngày 21 tháng 03 năm 2020. Sau khi ly hôn chị X có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N, đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Giàng Thị X.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Giàng Thị X ly hôn anh Cư Seo Q.
- Về con chung: Giao cháu Cư Thị N – Sinh ngày 21 tháng 03 năm 2020 cho chị Giàng Thị X, giao cháu cho anh Cư Thị T – Sinh ngày 04 tháng 11 năm 2018 cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Chị X không đề nghị giải quyết.
- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Cư Seo Q và giải quyết nuôi con chung; Anh Q cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác với Tòa án, không tự khai, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa vì thế Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai vào ngày 18 tháng 12 năm 2018. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh Q là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, do mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập được chứng cứ xác định được chị X và anh Q chung sống không hạnh phúc. Chị X và anh Q đã ly thân từ năm 2021, đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X là phù hợp với khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Xét đề nghị của chị X. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập được chứng cứ được mức thu nhập trung bình trung tại xã TH là 3.000.000 đồng/01 lao động/01 tháng. Vì vậy chị X và anh Q cùng có đủ điều kiện nuôi con. Cháu N hiện nay đang sống cùng chị X, cháu T hiện nay đang sống cùng anh Q. Các cháu đang sinh sống ổn định. Cần giao cháu Cư Thị N – Sinh ngày 21 tháng 03 năm 2020, cho chị Giàng Thị X, giao cháu Cư Thị T – Sinh ngày 04 tháng 11 năm 2018 cho anh Cư Seo Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Giàng Thị X được ly hôn anh Cư Seo Q. Quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh Q chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao cháu Cư Thị N – Sinh ngày 21 tháng 03 năm 2020 cho chị Giàng Thị X, giao cháu Cư Thị Thị T – Sinh ngày 04 tháng 11 năm 2018 cho anh Cư Seo Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn chị X và anh Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Giàng Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001624 ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

TV HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Dung – Đinh Thị Út **Vũ Qung Đại**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TH;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Quang Đại

L